

Số 1173/TB-ĐHNL-NNTH
Kế hoạch tổ chức hướng dẫn ôn thi
miễn phí chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học
đợt thi 21-22/09/2019

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 9 năm 2019

Kính gửi: Ban chủ nhiệm các khoa; Phòng CT HSSV;
Phòng Đào tạo; Phòng Kế hoạch tài chính;
Phòng Quản lý chất lượng; Phòng Quản trị phục vụ;
Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Ứng dụng.

Trường Đại học Nông Lâm thông báo kế hoạch tổ chức hướng dẫn ôn thi miễn phí chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học đối tượng sinh viên đăng ký thi đợt thi 21-22/09/2019 như sau:

1. Kế hoạch tổ chức hướng dẫn ôn thi miễn phí chuẩn đầu ra NNTH

1.1. Lớp ôn Tin học

TT	Tên lớp	Số Buổi	Sĩ số	Địa điểm	Thời gian giảng dạy	
					15-09-19	
1	TH01	2	40	PM201	8:00-10:00	14:00-16:00
2	TH02	2	39	PM202	8:00-10:00	14:00-16:00
Tổng			79			

1.2. Lớp ôn Ngoại ngữ

TT	Tên lớp	Số Buổi	Sĩ số	Địa điểm	Thời gian giảng dạy			
					16-09-19	17-09-19	18-09-19	19-09-19
					Kĩ năng Nói	Kĩ năng Viết	Kĩ năng Đọc	Kĩ năng Nghe
1	TA01	4	105	D204	19:30-21:30	19:30-21:30	19:30-21:30	19:30-21:30
2	TA02	4	102	D404	19:30-21:30	19:30-21:30	19:30-21:30	19:30-21:30
Tổng			207					

2. Phân công công tác tổ chức hướng dẫn ôn thi miễn phí chuẩn đầu ra NNTH

2.1. Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Ứng dụng

- Xây dựng kế hoạch.
- Xếp lớp.
- Chuẩn bị phòng máy, phân công cán bộ trực phòng máy ôn thi tin học theo kế hoạch.
- Phân công giáo viên giảng dạy.
- Tổ Tin học và tổ Tiếng Anh chuẩn bị đề cương tài liệu ôn tập.
- Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Ứng dụng là đơn vị đầu mối trao đổi phối hợp với các đơn vị triển khai và hoàn thành theo đúng kế hoạch.

2.2. Phòng Đào tạo: Đăng thông báo vào trang cá nhân của sinh viên.

2.3. Phòng CT HSSV, Ban chủ nhiệm các khoa, giáo viên chủ nhiệm các lớp:
Thông báo đến sinh viên.

2.4. Phòng Quản trị phục vụ: Chuẩn bị phòng học (Giảng đường D204, D404), máy chiếu, phân công cán bộ trực giảng đường theo kế hoạch.

2.5. Phòng Quản lý chất lượng: Kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện tổ chức hướng dẫn ôn thi miễn phí chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học cho sinh viên.

Lưu ý: Vì là lớp học miễn phí, nhà trường không thu bất kỳ khoản đóng góp nào của sinh viên; Các đơn vị liên quan phân công giảng viên, cán bộ phục vụ phù hợp theo quy định.

Trên đây là kế hoạch hoạt động tổ chức hướng dẫn ôn thi miễn phí chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học đối tượng sinh viên đăng ký thi đợt thi 21-22/09/2019.

Thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ: Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Ứng dụng.
Email: vpdannth@tuaf.edu.vn.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Đăng tải Website;
- Lưu VT, NNTH.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. *Trần Văn Diên*

KẾ HOẠCH ÔN TẬP, HƯỚNG DẪN THI MIỄN PHÍ CDR NNTH ĐỢT THI 21,22/9/2019

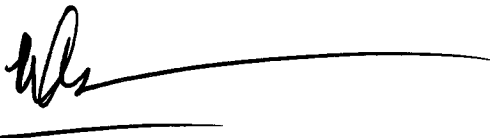
1. Lớp ôn Tin học

TT	Tên lớp	Số Buổi	Giảng viên	Số số	Địa điểm	Thời gian giảng dạy		ĐT GV
						15-09-19		
1	TH 01	2	Hứa Thị Toàn	40	PM201	8:00-10:00	14:00-16:00	0984 041 052
2	TH 02	2	Nguyễn Ngọc Lan	39	PM202	8:00-10:00	14:00-16:00	0987 025 715
Tổng				79				

2. Lớp ôn Ngoại ngữ

TT	Tên lớp	Số Buổi	Giảng viên	Số số	Địa điểm	Thời gian giảng dạy				ĐT GV
						16-09-19	17-09-19	18-09-19	19-09-19	
1	TA 01	4	Bùi Thị Kiều Giang	105	D204	19:30-21:30				0983 368 666
			Văn Thị Quỳnh Hoa				19:30-21:30		0982 068 949	
			Nguyễn Thị Thu Hương					19:30-21:30	0988 111 009	
			Phạm Thị Thu Trang					19:30-21:30	0389 975 847	
2	TA 02	4	Nguyễn Lan Hương	102	D404	19:30-21:30				0386 323 307
			Văn Thị Quỳnh Hoa				19:30-21:30		0982 068 949	
			Nông Thị Hiền Hương					19:30-21:30	0984 888 345	
			Phạm Thị Thu Trang					19:30-21:30	0389 975 847	
Tổng				207						

Trung tâm NNTHƯĐ



PGS.TS. Đàm Xuân Vận

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 09 năm 2019

Người lập



Quản Thị Vui

DANH SÁCH LỚP ÔN TẬP, HƯỚNG DẪN THI MIỄN PHÍ CĐR TIẾNG ANH ĐỢT THI 21,22/9/2019
LỚP TA 01

STT	Mã Sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp quản lý	Ghi chú
1	DTN1664120007	Nguyễn Văn	An	24/01/1990	Nam	Tày	Bắc Giang	LTQLDD48	
2	DTN1553050001	Bùi Tuấn	Anh	11/04/1997	Nam	Mường	Hòa Bình	TY47N02	
3	DTN1553160002	Đàm Tuấn	Anh	22/10/1997	Nam	Nùng	Bắc Kạn	STBTSH47	
4	DTN1453110180	Hoàng Quỳnh	Anh	22/12/1996	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	KHMTK46N02	
5	DTN1353040074	Trương Duy	Anh	02/10/1995	Nam	Kinh	Thái Nguyên	TYK46N02	
6	DTN1454120004	Vũ Hoàng Tuấn	Anh	23/09/1996	Nam	Kinh	Thái Nguyên	QLDD46N03	
7	DTN1558510003	Nguyễn Thị	Ba	19/02/1997	Nữ	Tày	Thái Nguyên	QLTN&MT47	
8	DTN1453110011	Lâm Quang	Bảo	19/11/1996	Nam	Kinh	Thái Nguyên	KHMT47N01	
9	DTN1553050015	Nguyễn Thị	Bến	12/07/1997	Nữ	Tày	Thái Nguyên	TY47N02	
10	DTN1553050019	Phan Thị Kim	Chi	15/08/1997	Nữ	Kinh	Nam Định	TY47N02	
11	DTN1353110026	Nguyễn Văn	Chiến	13/02/1994	Nam	Kinh	Thái Nguyên	KHMTK46N03	
12	DTN1553050021	Phạm Văn	Chiến	15/03/1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên	TY47N02	
13	DTN16530A0086	Lầu Pó	Chùa	11/09/1997	Nam	Mông	Điện Biên	PTNT48	
14	DTN1454120025	Đàm Bảo	Chung	24/02/1996	Nam	Tày	Bắc Kạn	QLDD46N03	
15	DTN1553110008	Trần Minh	Chuyên	20/01/1997	Nam	Sán Dìu	Thái Nguyên	KHMT47N02	
16	DTN1253110005	Ngô Trịnh	Công	07/11/1994	Nam	Kinh	Thái Nguyên	KHMT44N02	
17	DTN1653050330	Trương Văn	Công	10/06/1998	Nam	Kinh	Hưng Yên	TY48N04	
18	DTN1654140019	Lý A	Của	15/04/1998	Nam	HMông	Yên Bái	PTNT48	
19	DTN1653050183	Phạm Văn	Cương	05/08/1998	Nam	Tày	Thái Nguyên	TY48N02	
20	DTN1553110010	Lương Việt	Cường	20/06/1996	Nam	Kinh	Lào Cai	KHMT47N02	
21	DTN1353110038	Phan Mạnh	Cường	03/10/1991	Nam	Kinh	Thái Nguyên	KHMT48	
22	DTN1653050279	Nguyễn Thanh	Dung	17/06/1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	CNTY48POHE	
23	DTN1663160003	Lục Tiến	Dũng	13/05/1991	Nam	Nùng	Cao Bằng	LTQLTNR48	
24	DTN1753130005	Mai Tuấn	Dũng	26/02/1999	Nam	Kinh	Thái Nguyên	BVTV49	

STT	Mã Sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp quản lý	Ghi chú
25	DTN1653110001	Bùi Xuân	Duy	15/08/1998	Nam	Kinh	Lào Cai	KHMT48	
26	DTN1653050413	Nguyễn Ngọc	Dương	06/08/1998	Nam	Kinh	Hà Nội	CNTY48N03	
27	DTN1653050402	Tô Thị Ánh	Dương	15/10/1998	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	CNTY48POHE	
28	DTN1554110014	Giàng A	Đại	05/09/1996	Nam	Mông	Sơn La	KTNN47N02	
29	DTN1755150013	Nguyễn Quang	Đại	20/09/1999	Nam	Kinh	Thái Nguyên	BVTV49	
30	DTN1453160015	Nông Quang	Đạo	09/05/1996	Nam	Tày	Bắc Kạn	QLTNRK46N01	
31	DTN1553050041	Hứa Thị	Điểm	06/06/1997	Nữ	Tày	Cao Bằng	TY47N02	
32	DTN1553050042	Triệu Thị	Điệp	21/06/1997	Nữ	Nùng	Cao Bằng	TY47N01	
33	DTN1553050044	Dương Văn	Đô	02/05/1997	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	TY47N03	
34	DTN1663110006	Nguyễn Phương	Đông	05/06/1994	Nam	Kinh	Yên Bái	LTKHMT48	
35	DTN1553050045	Nguyễn Văn	Đức	08/02/1997	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	TY47N02	
36	DTN1755150010	Nguyễn Văn	Đức	23/09/1999	Nam	Kinh	Thái Nguyên	BVTV49	
37	DTN1654140013	Sùng A	Giả	10/10/1998	Nam	Mông	Lào Cai	PTNT48	
38	DTN1453110036	Nguyễn Văn	Giang	24/01/1996	Nam	Kinh	Thái Nguyên	KHMTK46N02	
39	DTN1554120053	Nguyễn Thị Thanh	Hà	18/12/1997	Nữ	Kinh	Thái Bình	QLDD47N03	
40	DTN1553050054	Nguyễn Ngọc	Hải	16/11/1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên	TY47N01	
41	DTN18LT4120002	Sùng Á	Hải	03/05/1997	Nam	Hà nhì	Lai Châu	LT_QLĐĐ 50	
42	DTN1454120316	Bùi Văn	Hành	28/05/1995	Nam	Mường	Hòa Bình	DCMTK46N03	
43	DTN1673160001	Trịnh Thị Hồng	Hạnh	24/10/1983	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	VB2LN48	
44	DTN1654140015	Kiều Thị	Hằng	21/07/1998	Nữ	Tày	Quảng Ninh	PTNT48	
45	DTN1453050050	Nguyễn Thu	Hằng	22/07/1996	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	TY47N04	
46	DTN1553050076	Hoàng Đình	Hiển	14/09/1997	Nam	Kinh	Thái Bình	TY47N02	
47	DTN1553110015	Nông Đức	Hiển	06/03/1997	Nam	Tày	Thái Nguyên	KHMT47N02	
48	DTN1353070132	Đỗ Trung	Hiếu	25/08/1995	Nam	Kinh	Hà Nội	TTK46N02	
49	DTN1553170036	Lê Minh	Hiếu	14/10/1997	Nam	Tày	Cao Bằng	CNTP47	
50	DTN1553050085	Lưu văn	Hiếu	06/08/1997	Nam	Kinh	Hà Giang	TY47N02	
51	DTN1553070017	Nguyễn Minh	Hiếu	22/10/1997	Nam	Sán Diu	Thái Nguyên	TT47POHEN02	
52	DTN1554110024	Hà Thị	Hoa	16/04/1997	Nữ	Tày	Bắc Kạn	TT47POHEN01	
53	DTN1554110023	Nguyễn Thị	Hoa	16/11/1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	KTNN47N01	
54	DTN1553060021	Tô Thị	Hòa	07/11/1997	Nữ	Tày	Bắc Kạn	NLKH47	

STT	Mã Sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp quản lý	Ghi chú
55	DTN1653170015	Hoàng Văn	Hoàn	01/12/1996	Nam	Tày	Hà Giang	CNTY48POHE	
56	DTN1553050091	Nguyễn Văn	Hoàn	18/02/1997	Nam	Kinh	Bắc Giang	CNTY47N02	
57	DTN1554120068	Nguyễn Huy	Hoàng	08/02/1997	Nam	Thổ	Phú Thọ	QLDD47N01	
58	DTN1553050096	Lâm Văn	Học	01/06/1997	Nam	Kinh	Nghệ An	TY47N02	
59	DTN1653050253	Phạm Thị	Hồng	17/07/1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	CNTY48POHE	
60	DTN1353050058	Đinh Thị	Huế	30/12/1995	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	KHMTK46N02	
61	DTN1653110009	Cao Mạnh	Hùng	04/05/1998	Nam	Kinh	Hà Giang	KHMT48	
62	DTN1664120001	Đỗ Duy	Hùng	30/12/1999	Nam	Sán Dìu	Thái Nguyên	LTQLDD48	
63	DTN1663060002	Lục Văn	Hùng	13/08/1987	Nam	Nùng	Cao Bằng	LTLN48	
64	DTN1554140094	Nông Văn	Hùng	28/10/1997	Nam	Tày	Bắc Kạn	PTNT47N02	
65	DTN1553170014	Trần Tuấn	Hùng	01/12/1996	Nam	Tày	Bắc Kạn	CNTP47	
66	DTN1553170016	Hà Thị Minh	Huyền	18/07/1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	CNSH47	
67	DTN1353110136	Nguyễn Văn	Hưng	05/03/1994	Nam	Kinh	Thái Nguyên	KHMT45N03	
68	DTN1554140021	Triệu Mùi	Khe	03/12/1996	Nữ	Dao	Bắc Kạn	PTNT48	
69	DTN1553110022	Nguyễn Văn	Khoa	02/08/1997	Nam	Kinh	Bắc Giang	KHMT47N01	
70	DTN1553050127	Nguyễn Thị	Khuyên	14/10/1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	TY47N01	
71	DTN1755150001	Đặng Văn	Khương	10/02/1995	Nam	Kinh	Thái Nguyên	BVTV49	
72	DTN1554120089	Đoàn Ngọc	Kiên	13/05/1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên	TY47N02	
73	DTN1553160100	Nguyễn Thái	Kiên	03/08/1997	Nam	Tày	Bắc Kạn	STBTSH47	
74	DTN1553040042	Nguyễn Văn	Kiều	18/11/1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên	CNTY47N02	
75	DTN1554140025	Hoàng Thị Thanh	Lam	10/07/1997	Nữ	Tày	Bắc Kạn	PTNT47N01	
76	DTN1553110024	Đào Thị Tùng	Lâm	21/10/1997	Nữ	Kinh	Nghệ An	KHMT47N01	
77	DTN1558510025	Hà Đức	Lâm	11/08/1996	Nam	Tày	Bắc Kạn	QLTN&MT47	
78	DTN1653110045	Hoàng Đình	Lâm	01/09/1998	Nam	Nùng	Bắc Kạn	KHMT48	
79	DTN17530A0008	Nông Mã	Lâm	03/07/1998	Nam	Tày	Cao Bằng	CNTY49(POHE)	
80	DTN1553050142	Dương Thùy	Linh	05/04/1997	Nữ	Kinh	Hà Nội	TY47N02	
81	DTN1553050138	Đặng Thị Thùy	Linh	02/01/1997	Nữ	Sán Dìu	Thái Nguyên	TY47N01	
82	DTN1553050137	Hoàng Diệu	Linh	22/07/1997	Nữ	Kinh	Điện biên	TY47N01	
83	DTN1553050135	Nguyễn Thị	Linh	17/05/1997	Nữ	Kinh	Lào Cai	TY47N01	
84	DTN1558510059	Nguyễn Thị Hải	Linh	09/10/1997	Nữ	Kinh	Thái Bình	KHMT47N01	

STT	Mã Sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp quản lý	Ghi chú
85	DTN1553050139	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	04/03/1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	TY47N03	
86	DTN1553170018	Phan Thị Mỹ	Linh	22/10/1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	CNTP47	
87	DTN1653050299	Nguyễn Thị	Loan	25/08/1998	Nữ	Kinh	Sơn La	TY48N01	
88	DTN18LT4120003	Phùng Thị	Loan	28/05/1997	Nữ	Nùng	Cao Bằng	LT_QLĐĐ 50	
89	DTN1553050146	Dương Văn	Long	14/08/1997	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	TY47N02	
90	DTN1653170030	Lê Ngọc	Long	06/01/1998	Nam	Kinh	Phú Thọ	CNTP48	
91	DTN1553110027	Vũ Đình	Long	15/03/1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên	KHMT47N01	
92	DTN1454120147	Lê Xuân	Lộc	10/09/1995	Nam	Kinh	Đà Nẵng	QLDD46N03	
93	DTN1755150004	Trần Đức	Lợi	04/09/1999	Nam	Kinh	Thái Nguyên	BVTV49	
94	DTN1553050148	Nguyễn Hoàng	Luân	21/10/1997	Nam	Tày	Thái Nguyên	TY47N02	
95	DTN1354110031	Hoàng Tiến	Luận	12/05/1995	Nam	Tày	Yên Bái	KTNNK46N02	
96	DTN1353120010	HOÀNG ĐỨC	LUẤN	07/09/1994	Nam	Tày	Tuyên Quang	NTTS45	
97	DTN1554290018	Phan Thị	Lũy	23/10/1997	Nữ	Tày	Hà Giang	KHMT47N01	
98	DTN1553050150	Nguyễn Văn	Lương	23/08/1997	Nam	Kinh	Thanh Hóa	TY47N03	
99	DTN1553050151	Nguyễn Văn	Lương	25/01/1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên	TY47N01	
100	DTN1553110028	Ma Thị Phương	Ly	11/09/1997	Nữ	Tày	Thái Nguyên	KHMT47N02	
101	DTN1755150005	Nguyễn Mai	Ly	02/04/1999	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	BVTV49	
102	DTN1553070079	Nông Thị Khánh	Ly	01/08/1997	Nữ	Tày	Cao Bằng	TT47POHEN02	
103	DTN1553050154	Trương Thị Khánh	Ly	17/06/1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	TY47N01	
104	DTN1653050142	Hà Thị	Mai	21/05/1998	Nữ	CaoLan	Yên Bái	CNTY48POHE	
105	DTN1453050093	Nguyễn Văn	Mạnh	21/06/1996	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TY47N02	

Ấn định danh sách: 105 sinh viên

Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Ứng dụng

Giám đốc



PGS.TS. Đàm Xuân Vận

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 09 năm 2019

Người lập



Quản Thị Vui

DANH SÁCH LỚP ÔN TẬP, HƯỚNG DẪN THI MIỄN PHÍ CĐR TIẾNG ANH ĐỢT THI 21,22/9/2019
LỚP TA 02

STT	Mã Sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp quản lý	Ghi chú
1	DTN1558510071	Nông Hoàng	Mạnh	19/05/1997	Nam	Tày	Bắc Kạn	QLTN&MT47	
2	DTN1453050094	Lại Hợp	Mậu	07/04/1996	Nam	Kinh	Tuyên Quang	TYK46N01	
3	DTN1354120218	Cao Nguyệt	Minh	16/07/1995	Nữ	San Chí	Thái Nguyên	CNTYK46 N02	
4	DTN1554110114	Lê Thị Nhật	Minh	01/09/1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	KTNN47N01	
5	DTN1554120117	Giàng Thị	Mò	25/10/1997	Nữ	HMông	Lai Châu	QLDD47N03	
6	DTN1553040052	Hoàng Phương	Nam	20/01/1997	Nam	Nùng	Bắc Kạn	CNTY47N01	
7	DTN1553050166	Nguyễn Hải	Nam	17/10/1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên	TY47N04	
8	DTN1553060031	Nguyễn Thị Thúy	Nga	28/04/1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	KHMT47N02	
9	DTN1658510025	Đỗ Văn	Ngọc	04/01/1998	Nam	Tày	Lào Cai	QLTNTN&DLST48	
10	DTN1553060032	Nguyễn Bảo	Ngọc	10/08/1997	Nam	Kinh	Điện biên	LN47	
11	DTN1353060229	Phùng Thị	Ngọc	28/02/1994	Nữ	Kinh	Bắc Kạn	LN45N01	
12	DTN1453110102	Nguyễn Đắc	Nguyên	01/05/1996	Nam	Kinh	Thái Nguyên	KHMTK46N02	
13	DTN1553050177	Trần Thị Hồng	Nguyệt	18/09/1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	TY47N02	
14	DTN1553050178	Hà Yến	Nhi	19/05/1997	Nữ	Nùng	Cao Bằng	TY47N03	
15	DTN1553050180	Nguyễn Thị	Nhi	18/05/1997	Nữ	Kinh	Hà Nội	TY47N02	
16	DTN1653110041	Đặng Thị	Nhung	28/11/1998	Nữ	Kinh	Bắc Ninh	KHMT48	
17	DTN1253180088	Đỗ Thị Tuyết	Nhung	08/05/1994	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	DCMT44N01	
18	DTN1554120235	Nông Tuấn	Ninh	17/11/1997	Nam	Tày	Cao Bằng	TT47POHEN02	
19	DTN1553170022	Trần Thị	Ninh	12/08/1997	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	CNTP47	
20	DTN17VB2306008	Nông Thanh	Oai	15/01/1989	Nam	Tày	Thái Nguyên	VB2 Lâm nghiệp 49	
21	DTN1653110018	Hàng Thị	Pàng	28/03/1998	Nữ	Mông	Sơn La	KHMT48	
22	DTN1554120138	Giàng Thị	Páo	05/06/1997	Nữ	HMông	Lai Châu	CNTY47N01	
23	DTN1553050190	Lưu Văn	Phong	20/01/1997	Nam	Tày	Thái Nguyên	TY47N01	
24	DTN1663110009	Hướng Văn	Phòng	21/12/1991	Nam	Nùng	Lạng Sơn	LTKHMT48	

STT	Mã Sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp quản lý	Ghi chú
25	DTN1653040022	Nguyễn Thị Y	Phụng	14/09/1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	CNTY48POHE	
26	DTN1553050194	Trần Thị Hoài	Phương	21/12/1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	TY47N01	
27	DTN1653110043	Nông Thiện	Quân	05/07/1998	Nam	Tày	Cao Bằng	KHMT48	
28	DTN1553050199	Trần Thị	Quyên	06/02/1997	Nữ	Kinh	Hà Nam	TY47N01	
29	DTN1658520001	Nguyễn Hữu	Quyên	06/03/1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên	KHMT48	
30	DTN1553050200	Nguyễn Văn	Quyên	04/02/1997	Nam	Tày	Thái Nguyên	TY47N03	
31	DTN1153180078	Lục Thế	Quỳnh	26/11/1990	Nam	Nùng	Lạng Sơn	DCMT45N03	
32	DTN1554110055	Mai Ngọc	Quỳnh	13/05/1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	KTNN47N02	
33	DTN1653110014	Phạm Như	Quỳnh	22/01/1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	KHMT48	
34	DTN1453160050	Giảng A	Sang	01/02/1993	Nam	H'Mông	Điện Biên	QLTNRK46N02	
35	DTN1553060040	Cam Văn	Sản	27/01/1997	Nam	Tày	Quảng Ninh	NLKH47	
36	DTN1654110058	Vàng A	Sầu	08/10/1998	Nam	H'Mông	Lai Châu	KTNN48	
37	DTN1554140044	Vàng Mí	Sèo	04/03/1996	Nam	Mông	Hà Giang	PTNT48	
38	DTN1553040149	Ma Ngọc	Son	08/02/1997	Nam	Tày	Tuyên Quang	QLTNR47N01	
39	DTN1553050210	Phạm Ngọc	Son	28/11/1997	Nam	Kinh	Thái Bình	TY47N03	
40	DTN1554110058	Tần A	Son	02/08/1996	Nam	Dao	Lai Châu	KTNN47N01	
41	DTN1554140046	Hoàng Hiệp	Sỹ	27/09/1996	Nam	Tày	Hà Giang	PTNT47N02	
42	DTN1553050213	Phạm Văn	Sỹ	14/02/1997	Nam	Kinh	Bắc Ninh	TY47N03	
43	DTN1553050214	Trần Hữu	Sỹ	25/10/1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên	TY47N03	
44	DTN1653050010	Phạm Thị Thanh	Tâm	22/05/1998	Nữ	Kinh	Phú Thọ	CNTY48POHE	
45	DTN1558520004	Trịnh Thành	Tâm	13/08/1997	Nam	Kinh	Bắc Kạn	KHMT47N01	
46	DTN1558510040	Khoảng Văn	Thành	11/10/1997	Nam	Thái	Điện Biên	QLTN&MT47	
47	DTN1453050139	Khúc Xuân	Thành	07/10/1996	Nam	Tày	Bắc Giang	DTY46	
48	DTN1653110003	Nguyễn Trần	Thành	11/09/1998	Nam	Kinh	Quảng Ninh	KHMT48	
49	DTN1653050153	Nguyễn Thị	Thao	14/01/1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	KHMT48	
50	DTN1553110044	Dương Thị Thanh	Thảo	02/03/1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	KHMT47N02	
51	DTN1654290002	Hoàng Diệu	Thảo	15/10/1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	KHMT48	
52	DTN18LT4120007	Ngô Mai	Thảo	12/12/1997	Nữ	Tày	Lạng Sơn	LT_QLĐĐ 50	
53	DTN1553050223	Nguyễn Phương	Thảo	26/05/1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	TY47N03	
54	DTN1653050026	Trịnh Minh Phương	Thảo	16/05/1998	Nữ	Kinh	Lâm Đồng	CNTY48POHE	

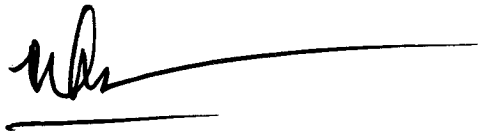
STT	Mã Sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp quản lý	Ghi chú
55	DTN1653140001	Lưu Chí	Thắng	23/06/1998	Nam	Sán Diu	Thái Nguyên	CNTP48	
56	DTN1553110040	Mai Thạch	Thắng	26/10/1997	Nam	Kinh	Thái Bình	KHMT47N01	
57	DTN1553160049	Mai Xuân	Thế	10/09/1997	Nam	Kinh	Tuyên Quang	QLTNR47N01	
58	DTN1453170044	Nguyễn Văn	Thiệu	12/05/1994	Nam	Mường	Thanh Hóa	CNTPK46	
59	DTN1553050229	Nguyễn Thị Mai	Thìn	01/12/1996	Nữ	Kinh	Hà Giang	TY47N03	
60	DTN1654120083	Nguyễn Xuân	Thịnh	20/06/1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên	QLTNTN&DLST48	
61	DTN1553110070	Phan Thanh	Thùy	25/02/1997	Nữ	Kinh	Lạng Sơn	KHMT47N02	
62	DTN1553050250	Lương Thị Lệ	Thủy	24/12/1997	Nữ	Tày	Thái Nguyên	TY47N02	
63	DTN1553050248	Nguyễn Văn	Thủy	18/08/1997	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	TY47N03	
64	DTN1553080009	Vũ Thị Thanh	Thủy	16/08/1997	Nữ	Kinh	Bắc Kạn	TT47POHEN01	
65	DTN1553070046	Hoàng Thị	Thúy	13/08/1997	Nữ	Nùng	Bắc Kạn	TT47POHEN02	
66	DTN1553050234	Nguyễn Thị	Thư	06/07/1997	Nữ	Kinh	Yên Bái	TY47N02	
67	DTN1553050240	Phạm Hồng	Thức	06/11/1997	Nam	Kinh	Phú Thọ	TY47N03	
68	DTN1553160092	Lường Đại	Thước	29/02/1996	Nam	Nùng	Bắc Kạn	QLTNR47N01	
69	DTN1553110065	Đặng Văn	Thường	26/08/1997	Nam	Kinh	Điện Biên	KHMT47N01	
70	DTN18LT4120008	Nguyễn Duy	Tiến	01/08/1996	Nam		Thái Nguyên	LT_QLĐĐ 50	
71	DTN1753050093	Thân Trọng	Tiến	14/09/1999	Nam	Kinh	Lạng Sơn	TY49N01	
72	DTN1430A0404	Trần Việt	Tiếp	06/01/1994	Nam	Kinh	Thái Nguyên	QLDD46N04	
73	DTN1553170029	Nguyễn Thị	Tình	26/11/1997	Nữ	Kinh	Bắc Giang	CNTP47	
74	DTN1553070047	Nguyễn Đức	Toàn	20/06/1997	Nam	Kinh	Bắc Giang	TT47POHEN02	
75	DTN1554120193	Nguyễn Xuân	Toàn	07/08/1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên	QLDD47N01	
76	DTN1554140054	Hoàng Thị	Tới	25/01/1997	Nữ	Nùng	Cao Bằng	PTNT47N02	
77	DTN1653040131	Hoàng Quỳnh	Trang	28/08/1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	CNTY48POHE	
78	DTN1653040020	Lưu Lý	Trang	17/12/1999	Nữ	Tày	Cao Bằng	CNTY48POHE	
79	DTN1653050124	Phạm Thị	Trang	29/11/1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	TY48N01	
80	DTN1453110137	Trần Huyền	Trang	04/05/1996	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	KHMT47N02	
81	DTN1554120196	Đinh Thùy	Trâm	30/12/1996	Nữ	Kinh	Lạng Sơn	QLDD47N01	
82	DTN1553050257	Đoàn Ngọc	Trâm	22/08/1997	Nữ	Tày	Lạng Sơn	TY47N03	
83	DTN1553110049	Nguyễn Việt	Trinh	07/12/1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	KHMT47N02	
84	DTN1553050263	Trần Thị	Trinh	18/02/1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	TY47N02	

STT	Mã Sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp quản lý	Ghi chú
85	DTN1453T0030	Bùi Văn	Trọng	10/03/1995	Nam	Mường	Hòa Bình	PTNTK46N02	
86	DTN1553170032	Nguyễn Quang	Trung	23/11/1996	Nam	Kinh	Thái Nguyên	CNTP47	
87	DTN1553050269	Vũ Trọng	Tú	14/09/1996	Nam	Kinh	Thanh Hóa	TY47N03	
88	DTN1755150015	Hoàng Mạnh	Tuấn	27/09/1999	Nam	Nùng	Thái Nguyên	BVTV49	
89	DTN1553050276	Lưu Anh	Tuấn	03/01/1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên	TY47N01	
90	DTN1553050275	Mông Văn	Tuấn	05/10/1997	Nam	Nùng	Cao Bằng	TY47N03	
91	DTN1553110050	Nguyễn Thanh	Tuấn	03/09/1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên	KHMT47N02	
92	DTN1653110022	Phạm Minh	Tuấn	06/11/1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên	KHMT48	
93	DTN1554110078	Bàn Hoàng	Tùng	18/08/1993	Nam	Dao	Hà Giang	KTNN47N02	
94	DTN1553050277	Phạm Thị Hồng	Tươi	07/02/1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	TY47N01	
95	DTN1553050281	Lã Thị Kim	Uyên	28/07/1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	TY47N02	
96	DTN1755150012	Dương Thị	Vân	10/12/1999	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	BVTV49	
97	DTN1554140059	Quan Thị	Viện	19/01/1997	Nữ	Tày	Hà Giang	PTNT47N01	
98	DTN1553050284	Nguyễn Văn	Việt	12/10/1997	Nam	Kinh	Hà Nội	TY47N03	
99	DTN1558520006	Phan Tuấn	Vũ	23/09/1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên	KHMT47N01	
100	DTN1654140033	Lý Na	Xó	03/04/1997	Nữ	Hà nhĩ	Điện biên	PTNT48	
101	DTN1553050289	Dương Thị	Xoan	10/10/1997	Nữ	Dao	Yên Bái	TY47N01	
102	DTN1653050408	Chu Hải	Yến	27/01/1998	Nữ	Tày	Bắc Kạn	CNTY48POHE	

Ấn định danh sách: 102 sinh viên

Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Ứng dụng

Giám đốc



PGS.TS. Đàm Xuân Vận

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 09 năm 2019

Người lập



Quản Thị Vui

DANH SÁCH LỚP ÔN TẬP, HƯỚNG DẪN THI MIỄN PHÍ CĐR TIẾNG ANH ĐỢT THI 21,22/9/2019
LỚP TH 01

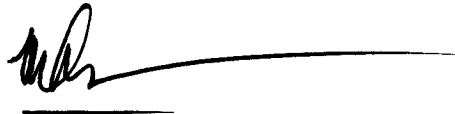
STT	Mã Sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp quản lý	Ghi chú
1	DTN1553060002	Ma Doãn Tùng	Anh	08/09/1997	Nam	Tày	Bắc Kạn	LN47	
2	DTN1653110044	Nguyễn Duy	Anh	04/07/1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên	KHMT48	
3	DTN1354120012	Trần Ngọc	Anh	02/03/1995	Nam	Kinh	Bắc Kạn	DCMTK46N01	
4	DTN1653070080	Trần Thị Lan	Anh	26/08/1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	QLTNTN&DLST48	
5	DTN1653150013	Nguyễn Quốc	Ân	12/11/1997	Nam	Kinh	Quảng Ninh	CNSH48	
6	DTN1558510003	Nguyễn Thị	Ba	19/02/1997	Nữ	Tày	Thái Nguyên	QLTN&MT47	
7	DTN16530A0086	Lâu Pó	Chua	11/09/1997	Nam	Mông	Điện Biên	PTNT48	
8	DTN1553110008	Trần Minh	Chuyên	20/01/1997	Nam	Sán Diu	Thái Nguyên	KHMT47N02	
9	DTN1654290007	Nguyễn Văn	Công	12/04/1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên	QLTNTN&DLST48	
10	DTN1654140019	Lý A	Của	15/04/1998	Nam	HMông	Yên Bái	PTNT48	
11	DTN1353110038	Phan Mạnh	Cường	03/10/1991	Nam	Kinh	Thái Nguyên	KHMT48	
12	DTN1553050043	Ngọ Thị	Định	12/02/1996	Nữ	Kinh	Bắc Giang	TY47N01	
13	DTN1663110006	Nguyễn Phương	Đông	05/06/1994	Nam	Kinh	Yên Bái	LTKHMT48	
14	DTN1653060002	Lưu Mạnh	Đức	19/07/1998	Nam	Kinh	Lào Cai	LN48	
15	DTN1654140013	Sùng A	Giả	10/10/1998	Nam	Mông	Lào Cai	PTNT48	
16	DTN18LT4120002	Sùng Á	Hải	03/05/1997	Nam	Hà nhì	Lai Châu	LT_QLĐĐ 50	
17	DTN1454120072	Vương Văn	Hải	25/10/1995	Nam	HMông	Bắc Kạn	DCMTK46N03	
18	DTN1554290041	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	08/03/1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	KHMT48	
19	DTN1453050050	Nguyễn Thu	Hằng	22/07/1996	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	TY47N04	
20	DTN1653050252	Thái Duy	Hậu	28/08/1998	Nam	Kinh	Nghệ An	CNTY48N03	
21	DTN1553050085	Lưu văn	Hiếu	06/08/1997	Nam	Kinh	Hà Giang	TY47N02	
22	DTN1353050058	Đinh Thị	Huế	30/12/1995	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	KHMTK46N02	
23	DTN1653110009	Cao Mạnh	Hùng	04/05/1998	Nam	Kinh	Hà Giang	KHMT48	
24	DTN1553050102	Hoàng Mạnh	Hùng	28/08/1997	Nam	Tày	Thái Nguyên	TY47N03	

STT	Mã Sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp quản lý	Ghi chú
25	DTN1553170014	Trần Tuấn	Hùng	01/12/1996	Nam	Tày	Bắc Kạn	CNTP47	
26	DTN1653060003	Phạm Ngọc	Huyền	22/10/1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	LN48	
27	DTN1553050106	Bàn Thị Quỳnh	Hương	10/01/1997	Nữ	Dao	Bắc Kạn	TY47N02	
28	DTN1553040117	Đặng Minh	Khôi	17/03/1997	Nam	Kinh	Thái Bình	CNTY47N01	
29	DTN1653060016	Lãnh Quang	Kiến	16/06/1998	Nam	Tày	Cao Bằng	LN48	
30	DTN1553040127	Hoàng Thị	Lam	15/05/1997	Nữ	Tày	Bắc Kạn	CNTY47N01	
31	DTN1558510025	Hà Đức	Lâm	11/08/1996	Nam	Tày	Bắc Kạn	QLTN&MT47	
32	DTN17530A0008	Nông Mã	Lâm	03/07/1998	Nam	Tày	Cao Bằng	CNTY49(POHE)	
33	DTN1553050137	Hoàng Diệu	Linh	22/07/1997	Nữ	Kinh	Điện biên	TY47N01	
34	DTN18LT4120003	Phùng Thị	Loan	28/05/1997	Nữ	Nùng	Cao Bằng	LT_QLDD 50	
35	DTN1653170030	Lê Ngọc	Long	06/01/1998	Nam	Kinh	Phú Thọ	CNTP48	
36	DTN1553050151	Nguyễn Văn	Lương	25/01/1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên	TY47N01	
37	DTN1653050143	Hoàng Hoài	Nam	16/05/1998	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	CNTY48POHE	
38	DTN1553050166	Nguyễn Hải	Nam	17/10/1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên	TY47N04	
39	DTN1653060013	Ma Thị Thùy	Nết	05/11/1998	Nữ	Tày	Bắc Kạn	LN48	
79	DTN1658510025	Đỗ Văn	Ngọc	04/01/1998	Nam	Tày	Lào Cai	QLTNTN&DLST48	

Ấn định danh sách: 79 sinh viên

Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Ứng dụng

Giám đốc



PGS.TS. Đàm Xuân Vận

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 09 năm 2019

Người lập



Quản Thị Vui

DANH SÁCH LỚP ÔN TẬP, HƯỚNG DẪN THI MIỄN PHÍ CĐR TIẾNG ANH ĐỢT THI 21,22/9/2019
LỚP TH 02

STT	Mã Sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp quản lý	Ghi chú
1	DTN1553050174	Ngô Thị	Ngọc	28/07/1996	Nữ	Kinh	Hà Nam	TY47N01	
2	DTN1658510005	Nguyễn Thị	Ngọc	16/04/1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	QLTNTN&DLST48	
3	DTN1553050176	Vũ Thảo	Nguyên	01/04/1997	Nữ	Kinh	Hà Nội	TY47N03	
4	DTN1353110199	Vũ Văn	Nguyện	16/08/1995	Nam	Kinh	Lai Châu	KHMTK46N03	
5	DTN17LT4120001	Nguyễn Đình	Nhân	26/12/1992	Nam	Kinh	Hà Giang	Liên thông Quản lý đất đai K49	
6	DTN1653110041	Đặng Thị	Nhung	28/11/1998	Nữ	Kinh	Bắc Ninh	KHMT48	
7	DTN1253180088	Đỗ Thị Tuyết	Nhung	08/05/1994	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	DCMT44N01	
8	DTN1658510013	Hoàng Hồng	Nhung	30/07/1998	Nữ	Kinh	Lạng Sơn	QLTNTN&DLST48	
9	DTN1653040190	Nguyễn Thị	Ninh	20/12/1997	Nữ	Kinh	Phú Thọ	CNTY48POHE	
10	DTN17VB2306008	Nông Thanh	Oai	15/01/1989	Nam	Tày	Thái Nguyên	VB2 Lâm nghiệp 49	
11	DTN1658520001	Nguyễn Hữu	Quyền	06/03/1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên	KHMT48	
12	DTN1553050202	Đỗ Phúc	Quyết	08/03/1997	Nam	Kinh	Hưng Yên	TY47N02	
13	DTN1553050202	Đỗ Phúc	Quyết	08/03/1997	Nam	Kinh	Hưng Yên	TY47N02	
14	DTN1553040137	Nguyễn Thị	Quỳnh	05/09/1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	TY47N03	
15	DTN1653110014	Phạm Như	Quỳnh	22/01/1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	KHMT48	
16	DTN1553040149	Ma Ngọc	Son	08/02/1997	Nam	Tày	Tuyên Quang	QLTNR47N01	
17	DTN1554110058	Tần A	Son	02/08/1996	Nam	Dao	Lai Châu	KTNN47N01	
18	DTN1653050010	Phạm Thị Thanh	Tâm	22/05/1998	Nữ	Kinh	Phú Thọ	CNTY48POHE	
19	DTN1653110003	Nguyễn Trần	Thành	11/09/1998	Nam	Kinh	Quảng Ninh	KHMT48	
20	DTN1653160026	Nguyễn Văn	Thành	06/04/1996	Nam	Kinh	Hưng Yên	QLTNR48	
21	DTN1653050153	Nguyễn Thị	Thao	14/01/1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	KHMT48	
22	DTN1653040087	Dương Thị	Thảo	22/10/1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	CNTY48POHE	
23	DTN18LT4120007	Ngô Mai	Thảo	12/12/1997	Nữ	Tày	Lạng Sơn	LT_QLĐĐ 50	
24	DTN1653050026	Trịnh Minh Phương	Thảo	16/05/1998	Nữ	Kinh	Lâm Đồng	CNTY48POHE	

STT	Mã Sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp quản lý	Ghi chú
25	DTN1654120083	Nguyễn Xuân	Thịnh	20/06/1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên	QLTNTN&DLST48	
26	DTN1653050370	Vì Thị	Thùy	30/09/1997	Nữ	Tày	Lạng Sơn	CNTY48POHE	
27	DTN1553050250	Lương Thị Lệ	Thùy	24/12/1997	Nữ	Tày	Thái Nguyên	TY47N02	
28	DTN1553050234	Nguyễn Thị	Thư	06/07/1997	Nữ	Kinh	Yên Bái	TY47N02	
29	DTN18LT4120008	Nguyễn Duy	Tiến	01/08/1996	Nam		Thái Nguyên	LT_QLĐĐ 50	
30	DTN1753050093	Thân Trọng	Tiến	14/09/1999	Nam	Kinh	Lạng Sơn	TY49N01	
31	DTN1553170029	Nguyễn Thị	Tinh	26/11/1997	Nữ	Kinh	Bắc Giang	CNTP47	
32	DTN1553070047	Nguyễn Đức	Toàn	20/06/1997	Nam	Kinh	Bắc Giang	TT47POHEN02	
33	DTN1353070049	Trần Đức	Toàn	30/10/1995	Nam	Kinh	Tuyên Quang	TT45N03	
34	DTN1554120231	Nông Thị	Trà	24/05/1997	Nữ	Tày	Thái Nguyên	QLDD47N01	
35	DTN1553050263	Trần Thị	Trinh	18/02/1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	TY47N02	
36	DTN1553170032	Nguyễn Quang	Trung	23/11/1996	Nam	Kinh	Thái Nguyên	CNTP47	
37	DTN1658510006	Đoàn Nguyễn Anh	Tú	06/03/1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên	QLTNTN&DLST48	
38	DTN1654120056	Nguyễn Hồng	Việt	15/04/1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên	QLDD48N02	
39	DTN1654140021	Đinh Hải	Yến	05/11/1998	Nữ	Tày	Tuyên Quang	PTNT48	

Ấn định danh sách: 39 sinh viên

Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Ứng dụng

Giám đốc



PGS.TS. Đàm Xuân Vận

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 09 năm 2019

Người lập



Quản Thị Vui